

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2020/DS-ST**  
Ngày 30 tháng 6 năm 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Khanh
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” thụ lý số 100/2020/TLST-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Thạch Thị M trình bày: Bà M là hui viên tham gia các dây hui do bà Huỳnh Thị P làm chủ hui, cụ thể như sau:

Dây 1: Hui mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 24/3/2014, có 15 phần bà tham gia 01 phần và hốt chót được 27.000.000 đồng. Sau khi hốt bà P giao cho bà nhiều lần được 15.000.000 đồng, còn nợ lại 12.000.000 đồng.

Dây 2: Hui mùa 3.000.000 đồng, mở ngày 24/11/2012, có 20 phần bà tham gia 01 phần bà hốt chót được tính bằng số tiền 55.500.000 đồng, nhưng đến nay bà P chưa giao tiền.

Dây 3: Hui mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 24/11/2014, có 17 phần bà tham gia 01 phần đóng hui sống được 12 lần thì bà P ngưng không khai hui nữa, và bà P

hứa sẽ đi thu các phần hui chết để chia cho 05 phần hui sống mỗi phần 60.000.000 đồng, nhưng đến nay cũng không giao.

Tổng số 03 dây hui bà P còn nợ của bà là 127.500.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả số tiền 127.500.000 đồng, nhưng tại phiên tòa, bà M đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là giảm số tiền yêu cầu bà P phải trả xuống còn 120.000.000 đồng.

Bị đơn Huỳnh Thị P trình bày: Bà P xác nhận bà có làm chủ hui, bà M là hui viên của các dây hui như phần trình bày trên đây của bà M là đúng, bà P thừa nhận còn nợ của bà M 03 dây hui (02 dây hui chết và 01 dây hui sống), tuy nhiên bà P có chi trả cho bà M nhiều lần, mỗi lần từ 1.000.0000 đồng đến 6.000.000 đồng nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu. Nay bà P xác nhận còn nợ của bà M khoảng 120.000.000 đồng, chứ không phải 127.500.000 đồng như bà M khởi kiện đòi. Bà P cho biết trước đây hai bên cũng có thương lượng với nhau về thời gian thanh toán nợ nhưng nay bà M đã khởi kiện ra tòa nên bà P không muốn hòa giải với bà M nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**Ý kiến của Viện Kiểm sát:** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 120.000.000 đồng; áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

[1] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hui giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà M và bà P đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hui giữa bà M với bà P là hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong đơn khởi kiện ban đầu, bà M đòi bị đơn là bà P trả số tiền 127.500.000 đồng; nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà M đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là giảm một phần số tiền yêu cầu bị đơn phải trả xuống còn 120.000.000 đồng (giảm 7.500.000 đồng); xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà M tại phiên tòa là do bà hoàn toàn tự nguyện, không có sự đe dọa hoặc ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại là việc nguyên đơn (bà M) đòi bị đơn (bà P) trả 120.000.000 đồng, đã được bị đơn (bà P) thừa nhận còn nợ tương ứng với số tiền này, nhưng vụ việc không tiến hành hòa giải được do bà P đề nghị

không tiến hành hòa giải. Xét thấy sự thừa nhận của bà P còn nợ bà M số tiền 120.000.000 đồng, là phù hợp và đáp ứng đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận để buộc bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 120.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, húy, biểu, phùng.

[4] Về áp dụng pháp luật, Hợp đồng góp hui được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật; hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, và các Điều 29, 30 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phườg;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

## Tuyên xử:

**1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, về việc giảm bớt số tiền yêu cầu bị đơn phải trả từ 127.500.000 đồng xuống còn 120.000.000 đồng.**

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn; buộc bà Huỳnh Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị M số tiền hụi còn nợ là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị P phải chịu 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**